

Số: 217/2025/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 314/2025/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 181/2025/QĐST-VLĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Trần Ly K, sinh năm 1982; thường trú: Ấp P, xã L, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Hải Y, sinh năm 2002; thường trú: 25A đường số G, ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 5B Nguyễn Văn T, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH C; địa chỉ: Số C, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lý Ngọc B. Vắng mặt;

2. Ông Lê Văn K1, sinh năm 1981; thường trú: Thôn I, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở L, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thái S; chức vụ: Phó Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết người đại diện hợp pháp của ông Trần Ly K trình bày: Trong khoảng từ tháng 8/2004 đến tháng 5/2020, ông Trần Ly K làm việc tại Công ty TNHH C và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số: 7410212716. Đến nay, ông K đi làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thì được biết bảo hiểm xã hội của ông bị trùng trong khoảng thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào tháng 4/2010 ông K cho ông Lê Văn K1 mượn chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty TNHH C. Quá trình làm việc, ông K1 được Công ty TNHH C tham gia bảo hiểm xã hội với mã số: 7410061182. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho ông K1 mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho ông K1 có công việc để trang trải cuộc sống. Nay, ông K yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Ly K và Công ty TNHH C là vô hiệu. Ông Trần Ly K không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn K1 trình bày: Khoảng năm 2010, ông có mượn chứng minh nhân dân của ông K để xin vào làm việc tại Công ty TNHH C từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010, đóng bảo hiểm xã hội số: 7410061182. Nay ông K1 thống nhất toàn bộ yêu cầu của ông K và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Ly K với Công ty TNHH C vô hiệu. Ông cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông K, ông K1 không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Công ty TNHH C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tuy nhiên không có mặt tại Tòa án để có ý kiến, hoặc nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông Trần Ly K.

- Ông Nguyễn Thái S là người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở L (viết tắt là BHXH) trình bày: Bảo hiểm xã hội đã xác nhận thời gian tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Trần Ly K, sinh năm 1982, số chứng minh nhân dân 365473984, số căn cước công dân 094082016684 theo công văn số 311/BHXH-QLT ngày 10/7/2025. Trong đó có trong thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010, ông Trần Ly K tham gia tham gia bảo hiểm xã hội với mã số: 7410212716 (do Công ty TNHH C đóng) và 7410061182 (do Công ty TNHH C đóng).

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Trần Ly K là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010, người lao động tên Trần Ly K giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C và được Công ty TNHH C, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410061182. Tuy nhiên, ông K và ông K1 đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng thời gian trên là ông Lê Văn K1 (do ông K cho ông K1 mượn chứng minh nhân dân).

[2.2] Xét thấy, lời khai của ông K, ông K1 phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm cơ sở L. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 12/2010, ông K đang làm việc tại Công ty TNHH C, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7410212716. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C trong khoảng thời gian tháng 4/2010 đến tháng 10/2010 là ông Lê Văn K1, không phải là ông Trần Ly K.

Theo Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: “*...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*”.

Do đó, có cơ sở xác định việc ông K1 mượn hồ sơ cá nhân của ông K để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7410061182 từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010 tại Công ty TNHH C là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ly K về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Ly K với Công ty TNHH C theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410061182 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “*... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của ông K và ông K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH C trong giai đoạn từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010 là ông Lê Văn K1, không phải là ông Trần Ly K, ông K và ông K1 có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410061182.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Ông Trần Ly K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Trần Ly K.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Ly K với Công ty TNHH C (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410061182) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410061182 không phải là ông Trần Ly K, sinh năm 1982, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 094082016684. Ông Trần Ly K và ông Lê Văn K1 được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410061182.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Trần Ly K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0015517 ngày 08/9/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- THA DS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân